

Dàn ý suy nghĩ vai trò của người lãnh đạo

I. MỞ BÀI

- Ngày trước nhà nước phong kiến với bộ máy lãnh đạo, tức vua quan trọng triều đình, càng có tầm ảnh hưởng quan trọng đối với quốc gia.
- Tìm hiểu về hai văn bản “Chiếu dời đô” của Lý Công Uẩn và “Hịch tướng sĩ” của vị Quốc công tiết chế Trần Hưng Đạo, ta sẽ hiểu rõ thêm về vấn đề này.

II. THÂN BÀI

1. Văn bản: “Chiếu dời đô” với Lý Công Uẩn

- Tuy là viết theo thể loại chiếu, chuyên dùng để ban bố mệnh lệnh của vua đến nhân dân nhưng Lý Công Uẩn lại viết một cách nhẹ nhàng, phân tích kỹ càng những thuận lợi của kinh đô mới Đại La, còn có ý muốn hỏi ý kiến quần thần, dân chúng: “.. các khanh thấy thế nào?”.
- Một người lãnh đạo anh minh còn biết chăm lo cho hạnh phúc lâu bền của chúng dân, không chạy theo cái lợi trước mắt mà quên đi cái lâu dài. Lý Công Uẩn là một trong số những vị vua anh minh như thế.
- Ông chọn kinh đô ở Đại La không phải ngẫu nhiên, mà ông đã qua quan sát, nghiên cứu thật nhiều lần. Đại La là nơi trung tâm, hội tụ của nhiều con sông lớn, lại nằm ở đồng bằng nên rất thuận tiện cho việc đi lại; nơi đây còn có mưa thuận gió hòa, đất đai màu mỡ, dân chúng sống trong sung túc, ấm no, muôn vật phong phú tốt tươi,...
- Theo Lý Công Uẩn, nó xứng đáng là "kinh đô của bậc đế vương muôn đời".
- Ông chọn kinh đô mới vì dân chúng, để phát triển đất nước chứ không cam để kinh đô nằm khuất sâu trong rừng núi, chỉ phù hợp khi cần phòng thủ như Hoa Lư.
- Nhờ tầm nhìn xa trông rộng ấy mà đất nước ta vững bền đến ngàn năm và ngôi thành Đại La, sau đổi tên thành Thăng Long, tức rồng bay lên, tồn tại, gắn bó suốt

mấy thế kỉ cùng với triều đại Lý, Trần, Lê, Nguyễn. Lý Công Uẩn, dù là vị vua, theo chế độ phong kiến, nhưng ông đã phần nào mang đến khái niệm “dân chủ”, một khái niệm rất tiến bộ sau này, là lấy dân làm chủ, triều đình, nhà nước chỉ đơn thuần là giúp đỡ nhân dân có được hạnh phúc lâu bền.

2. Văn bản: “Hịch tướng sĩ” với Trần Quốc Tuấn

- Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn lại có cách nghĩ của một vị danh tướng thời loạn lạc: có sự khoan dung, và có sự nghiêm khắc.
- Đất nước đang phải đối đầu với giặc Nguyên - Mông mạnh nhất thời bấy giờ, với số thuộc địa trải dài từ Trung Quốc đến tận Châu Âu.
- Ông biết, sự đoàn kết với lòng dân sẽ là chìa khóa cho vận mệnh đang lâm nguy của nước nhà.
- Chính ông đã đi đầu trong việc đoàn kết mọi người, bằng cách gỡ bỏ mọi hiềm khích giữa ông và nhà vua.
- “Hịch tướng sĩ” ra đời. Bài “hịch” quả thật có tác động rất mạnh mẽ nhờ ông biết cách phân tích cái hậu quả của việc nhu nhược, yếu đuối, sợ hãi dưới góc nhìn của một người dân, chứ không phải một vị tướng và bày tỏ thái độ căm thù giặc: “dù trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng”
- Nhờ hiểu dân, từ đó thương dân nên Trần Quốc Tuấn đã cảm được phần thắng trong tay bọn giặc mạnh nhất.

III. KẾT BÀI

- Qua hai văn bản “Chiếu dời đô” và “Hịch tướng sĩ” đã cho tôi hiểu rõ vai trò của những vị lãnh đạo anh minh.
- Những người lãnh đạo chính là những người nắm giữ vận mệnh đất nước, chính họ đã cho tôi Việt Nam ngày hôm nay, tôi rất biết ơn họ và tự hào rằng mình là người Việt Nam.



Bài văn mẫu Suy nghĩ vai trò của người lãnh đạo

Bài văn mẫu 1

Thời đại nào cũng vậy, phong kiến, tư bản dân chủ cùng đều phải có người lãnh đạo. Con người ấy sẽ dẫn dắt những người khác, dạy cho họ, giúp cho họ làm được những điều tốt cho đất nước, cho xã hội. Ngày trước nhà nước phong kiến với bộ máy lãnh đạo, tức vua quan trong triều đình, càng có tầm ảnh hưởng quan trọng đối với quốc gia. Qua tìm hiểu về hai văn bản “Chiếu dời đô” của Lý Công Uẩn và “Hịch tướng sĩ” của vị Quốc công tiết chế Trần Hưng Đạo, ta sẽ hiểu rõ thêm về vấn đề này.

“Quan nhất thời, dân vạn đại”, tức vua quan chỉ đơn thuần là người lãnh đạo, còn cái gốc rễ của nước nhà chính là nhân dân. Cả hai vị vua - vương anh minh Lý Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn đều hiểu rõ điều ấy. Bài chiếu “Chiếu dời đô”, tuy là viết theo thể loại chiếu, chuyên dùng để ban bố mệnh lệnh của vua đến nhân dân nhưng Lý Công Uẩn lại viết một cách nhẹ nhàng, phân tích kỹ càng những thuận lợi của kinh đô mới Đại La, còn có ý muốn hỏi ý kiến quần thần, dân chúng: “... các khanh thấy thế nào?”. Còn bài “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn lại đưa ta đến một khía cạnh khác của thời đại, là thời loạn lạc, nước mất nhà tan. Lúc ấy, chỉ có quân tướng, binh sĩ, nhân dân trên dưới một lòng, quyết tâm quét sạch bóng quân

thù thì cuộc kháng chiến mới có thể thành công, và Trần Quốc Tuấn chính là người hiểu rõ điều đó hơn ai hết. “Hịch tướng sĩ” của ông là bài hịch văn kêu gọi tướng lĩnh và binh sĩ, không hề mang tính chất áp đặt, văn chương không hề hào nhoáng, bóng bẩy nhưng lại chạm được vào con tim yêu nước của hàng vạn người dân Việt Nam nhờ sự mộc mạc của Trần Quốc Tuấn, vốn là một người của hoàng tộc, đặt mình vào vị trí của dân chúng: “Không những sản nghiệp của ta tiêu tan... mà nhà của các người cùng không còn...”.

Dân chúng là cội nguồn của quốc gia, còn người lãnh đạo sẽ nâng đỡ cái cội nguồn đó. Thuận được lòng dân, đối đãi họ một cách hợp lý thì lo gì đất nước không hưng thịnh, trường tồn. Một người lãnh đạo anh minh còn biết chăm lo cho hạnh phúc lâu bền của chúng dân, không chạy theo cái lợi trước mắt mà quên đi cái lớn lâu dài. Lý Công Uẩn là một trong số những vị vua anh minh như thế. Ông chọn kinh đô ở Đại La không phải ngẫu nhiên, mà ông đã qua quan sát, nghiên cứu thật nhiều lần. Đại La là nơi trung tâm, hội tụ của nhiều con sông lớn, lại nằm ở đồng bằng nên rất thuận tiện cho việc đi lại; nơi đây còn có mưa thuận gió hòa đất đai màu mỡ, dân chúng sống trong sung túc, ấm no, muôn vật phong phú tốt tươi,... theo Lý Công Uẩn, nó xứng đáng là “kinh đô của bậc đế vương muôn đời”.

Ông chọn kinh đô mới vì dân chúng, để phát triển đất nước chứ không cam để kinh đô nằm khuất sâu trong rừng núi, chỉ phù hợp khi cần phòng thủ như Hoa Lư. Nhờ tầm nhìn xa trông rộng ấy mà đất nước ta vững bền đến ngàn năm, và ngôi thành Đại La, sau đổi tên thành Thăng Long, tức rồng bay lên, tồn tại, gắn bó suốt mấy thế kỉ cùng với triều đại Lý, Trần, Lê, Nguyễn. Lý Công Uẩn dù là vị vua, theo chế độ phong kiến, nhưng ông đã phần nào mang đến khái niệm “dân chủ”, một khái niệm rất tiến bộ sau này, là lấy dân làm chủ, triều đình, nhà nước chỉ đơn thuần là giúp đỡ nhân dân có được hạnh phúc lâu bền.

Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn lại có cách nghĩ của một vị danh tướng thời loạn lạc: có sự khoan dung, và có sự nghiêm khắc. Đất nước đang phải đối đầu với giặc Nguyên - Mông mạnh nhất thời bấy giờ, với sở thuộc địa trải dài từ Trung Quốc đến tận Châu Âu. Ông biết, sự đoàn kết với lòng dân sẽ là chìa khoá cho vận mệnh đang

lâm nguy của nước nhà. Chính ông đã đi đầu trong việc đoàn kết mọi người, bằng cách gỡ bỏ mọi hiềm khích giữa ông và nhà vua. Rồi sau đó. “Hịch tướng sĩ” ra đời. Bài “hịch” quả thật có tác động rất mạnh mẽ nhờ ông biết cách phân tích cái hậu quả của việc nhu nhược, yếu đuối, sợ hãi dưới góc nhìn của một người dân, chứ không phải một vị tướng và bày tỏ thái độ căm thù giặc: "Dù trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng". Nhờ hiểu dân, từ đó thương dân nên Trần Quốc Tuấn đã cầm được phần thắng trong tay bọn giặc mạnh nhất.

Ngoài những vị minh tướng, minh quân, luôn có những vị vua, vị tướng chỉ biết nhu nhược, ăn chơi và tỏ ra yếu hèn: Lê Ngọa Triều vì quá sa đọa mà lên thiết triều chỉ nằm, chứ không ngồi; Mạc Đăng Dung tự trói mình rồi đi sang Trung Quốc, dâng đất nước cho Bắc quốc;... Những con người ấy, đã làm cho vận nước lung lay, thậm chí bán nước chỉ để lo cho mạng sống, của cải của bản thân. Lúc đó, luôn có một đảng minh quân mới sẽ cứu giúp, như một quy luật: thịnh rồi suy, suy rồi thịnh của đất nước.

Thời hiện đại, không còn như thời phong kiến nữa. Tuy nhiên, đâu đâu cũng có nhà lãnh đạo, đó chính là Đảng và Chính phủ. Những con người ấy vẫn đang cần mãi ngày đêm giúp ích cho Tổ quốc, cũng giống như những vị anh minh thời xưa. Tôi sẽ cố gắng học tập theo họ để sau này có thể trở thành một người có ích, đưa Việt Nam sánh vai với các cường quốc khắp năm châu.

“Chiếu dời đô”, “Hịch tướng sĩ” cùng các vị lãnh đạo anh minh như Lý Công Uẩn hay Trần Quốc Tuấn đã gợi cho tôi thật nhiều suy nghĩ. Tóm lại, có thể nói rằng: những người lãnh đạo chính là những người nắm giữ vận mệnh đất nước chính họ đã cho tôi Việt Nam ngày hôm nay, tôi rất biết ơn họ và tự hào rằng mình là người Việt Nam.

Bài văn mẫu 2

Đối với một quốc gia, nhắc đến những nhà lãnh đạo đất nước là nhắc đến những người đứng đầu bộ máy hành chính nhà nước hay tổ chức quân sự, văn hoá...

Đứng trên cương vị một nhà lãnh đạo, trước hết họ phải là những người có tầm nhìn xa trông rộng, nhận định đúng tình hình đất nước, từ đó xác định đúng nhiệm vụ của cả dân tộc.

Lí Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn đều là những nhà lãnh đạo tài ba, uyên bác thông hiểu kim cổ đông tây. Vị vua đầu tiên của triều Lý đã nhắc đến gương chuyển đô của vua Bàn Canh nhà Thương, nhà Chu. Trần Quốc Tuấn lại nêu gương những anh hùng hào kiệt, biết xả thân vì chủ tướng vì đất nước: Do Vu, Dự Nhượng, Kỉ Tín,... Có thể nói, biết "ôn cố" để "tri tân" là một trong những tố chất không thể thiếu của một nhà lãnh đạo. Và từ việc "nhớ chuyện cũ", các nhà lãnh đạo tài ba đã thể hiện thiên năng "biết chuyện mới, chuyện đời nay" rất tài tình.

Nhà Đinh, Lê "không noi theo dấu cũ Thương Chu" giữ nguyên vị trí kinh đô tại Hoa Lư mà đất Hoa Lư chỉ là chốn núi rừng hiểm trở, khắc nghiệt. Điều đó khiến thời vận đất nước gặp nhiều trắc trở. Lịch sử cũng đã chứng minh điều đó, hai nhà Đinh Lê triều vận ngắn ngủi, nhân dân gặp nhiều khó khăn.. Có thể nói, việc phê phán hai triều Đinh, Lê một phần lớn đã thể hiện tầm nhìn lãnh đạo của Lí Công Uẩn. Ông đã nhìn rõ một thực tế quan trọng: đất nước đang bước vào thời bình, Hoa Lư không còn phù hợp với vị thế kinh đô nữa!

Trần Quốc Tuấn cũng vậy. Từ thực tế của việc giặc Nguyên Mông xâm lược nước ta lần một và thái độ của chúng hiện nay, ông đã thấu rõ nguy cơ của một cuộc chiến chống xâm lược. Sang nước ta, quân Nguyên Mông "uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt Tể phụ", "đi lại nghênh ngang", bắt dân ta cống nạp khoáng sản, vàng bạc.. Vậy rõ ràng, chúng chưa hề thấm thía bài học từ thất bại của cuộc xâm lược lần một và đang mưu mô cuộc chiến tranh ăn cướp lần hai.

Giặc như vậy còn lực lượng quân sĩ ta thì sao? Vị nguyên soái lỗi lạc thêm một lần đau xót khi chứng kiến thực cảnh binh sĩ dưới quyền lơ là mất cảnh giác trước nguy cơ mất nước. Họ "hoặc thích chơi gà, hoặc mê tiếng hát", chơi cờ... Ông cay đắng chỉ ra một điều tất yếu là khi giặc đến những thú vui ấy chỉ trở thành tai họa "cựa gà

trống không đâm thủng áo giáp của giặc", "tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai", "mèo đánh cò không thể dùng làm mưu lược nhà binh"...

Từ việc nhìn nhận thấu suốt tình hình đất nước, các nhà lãnh đạo anh minh đều xác định rõ nhiệm vụ của quân và dân. Điều quan trọng là họ có những quyết định đúng đắn, những hành động táo bạo để đưa đất nước đến được bến bờ của sự bình yên và phát triển. Lí Thái Tổ xác định nhiệm vụ hiện tại là cần dời đô khỏi Hoa Lư.

Nhưng dời đô đến đâu? "Thành Đại La.. là nơi trung tâm trời đất, có thể rồng cuộn hổ ngồi lại tiện hướng nhìn sông dựa núi, dân cư không khổ vì ngập lụt, muôn vật phong phú tốt tươi. Xem khắp nước Việt ta chỉ có nơi đây là thánh địa". Từ việc có ý thức sâu sắc ưu thế của thành Đại La đối với việc phát triển đất nước, Lí Thái Tổ đã có quyết định đúng đắn là thiên đô về mảnh đất văn hiến này.

Trần Quốc Tuấn trên cương vị Tổng chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông đã khẳng định ý chí đánh giặc của toàn dân tộc đồng thời khuyến khích, động viên tinh thần chiến đấu của binh sĩ. Ông khuyên quân sĩ phải biết "kiềng canh nóng mà thổi rau nguội", phải biết ra sức tập luyện để sẵn sàng chiến đấu. Không chỉ vậy, ông còn soạn thảo "Binh thư yếu lược" làm sách lược cho binh sĩ tập luyện, rèn quân.



Bài văn mẫu 3

Lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam luôn gắn liền với tên tuổi của những người anh hùng dân tộc vĩ đại. Tài năng kiệt xuất và đức độ cao cả của họ đã có ảnh hưởng quyết định đến vận mệnh đất nước. Đọc lại áng văn Chiếu dời đô của Lí Công uẩn và Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn, chúng ta thấy sáng ngời nhân cách và hành động vì dân vì nước của họ. Qua đó, chúng ta hiểu rõ vai trò của người lãnh đạo anh minh có ý nghĩa vô cùng to lớn trong sự phát triển của dân tộc dù lúc đất nước lâm nguy hay thái bình, thịnh vượng.

Đất nước có giặc, họa ngoại xâm đe dọa nền hòa bình của dân tộc cũng là lúc cần đến những vị tướng tài ba. Trần Quốc Tuấn ghi dấu trong lịch sử dân tộc và để lại ấn tượng sâu đậm về một võ tướng có một không hai trong lịch sử chống ngoại xâm. Trần Quốc Tuấn gắn tên mình với Bạch Đằng, Chương Dương, Hàm Tử. Là người đã bẻ gãy ý đồ xâm lược hung hăng của đế quốc Nguyên - Mông. Nhà quân sự kiệt xuất này có những chiến công hiển hách là nhờ ông quan tâm tới vận mệnh nước nhà bằng trái tim và ý chí của một anh hùng dân tộc. Cái tâm và cái tài của một vị tướng, một người con yêu nước, trung với vua được thể hiện rõ nét trong áng văn bất hủ "Hịch tướng sĩ". Đọc "Hịch tướng sĩ" ta ngỡ như nghe tiếng nói của cha ông, của non nước. Nó nồng nàn tinh thần yêu nước, biểu hiện lòng căm thù giặc sâu sắc, ý chí quyết chiến quyết thắng quân thù, không chỉ là của riêng Trần Hưng Đạo mà là kết tụ trong đó những ý nguyện tình cảm của dân tộc yêu tự do và giàu tự trọng.

Trước tai họa đang đến gần: quân Mông - Nguyên lần le xâm lược lần thứ hai với tâm địa không cho một ngọn cỏ của nước Đại Việt mọc dưới vó ngựa của năm mươi vạn quân. Trần Quốc Tuấn đã viết "Hịch" để kêu gọi tướng sĩ một lòng đương đầu với cuộc chiến sống còn. Những lời lẽ đanh thép mà chan chứa tình cảm, những lí lẽ sắc bén mà đi vào lòng người đã chỉ ra cho tướng sĩ thấy tội ác của bọn sứ giặc và những việc cần làm để chống giặc. Trần Quốc Tuấn đau nỗi đau của dân tộc, nhục cái nhục quốc thể. Tác giả ngứa mắt khi thấy "sứ giặc đi lại nghênh ngang", ngứa tai khi chúng "uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình". Tác giả rất khinh bỉ, đã "vật hoá" chúng, gọi là "dê chó", là "hổ đói". Ông mượn những tấm gương bậc nghĩa

sĩ trung thần đã xả thân vì đất nước, vì nhân dân để khích lệ lòng tự trọng ở các tướng sĩ. Ông cũng biết lấy những suy nghĩ, việc làm của mình để khơi dậy lòng yêu nước của họ. Viết cho tướng sĩ, nhưng ta thấy ông phơi trải tấm lòng mình, Trần Quốc Tuấn không khỏi băn khoăn lo lắng, đến độ quên ăn, mất ngủ, xót xa như đứt từng khúc ruột. Nỗi lo lắng đó được ông bày tỏ với binh sĩ: "Ta thường đến bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan, uống máu quân thù." Không chỉ căm thù giặc mà Trần Quốc Tuấn còn nguyện hi sinh thân mình cho sự nghiệp đánh đuổi ngoại xâm, giành lại độc lập cho dân tộc: "dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng." Trần Quốc Tuấn quả là một con người yêu nước thương dân, ông đúng là tấm gương sáng cho binh sĩ noi theo để mà biết hy sinh bản thân vì nước vì dân.

Một vị tướng tài ba, ngoài lòng yêu nước, tài năng quân sự, họ còn phải biết yêu thương, dạy bảo binh sĩ. Trần Quốc Tuấn đã hội tụ đủ những yếu tố đó. Ông luôn quan tâm, chia sẻ, xem binh sĩ như những người anh em khi xông pha trận mạc cũng như khi thái bình. Cũng chính nhờ tình cảm đó, ông đã thắp lên ngọn lửa yêu nước trong lòng họ. Nhưng yêu thương, lo lắng cho binh sĩ không đơn thuần chỉ là những lời khuyên nhủ nhẹ nhàng mà là nghiêm khắc, quyết liệt phê phán những việc làm thái độ sai trái của họ: thờ ơ, bàng quan trước vận mệnh Tổ quốc lâm nguy, quên mất trách nhiệm của mình đối với vận mệnh tổ quốc và nếu các tướng sĩ không nghe theo thì hiểm họa trước mắt thật đau xót: "Lúc bấy giờ, ta cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào. Những lời giáo huấn của ông đã thức tỉnh biết bao binh lính, giúp họ nhận thức hơn về độc lập dân tộc. Và hơn hết là chỉ ra những việc cần làm đó là hãy đề cao cảnh giác, đoàn kết trước nguy cơ mất nước. Ông đã thảo cuốn binh thư yếu lược để các tướng sĩ học theo, từ bỏ lối sống xa hoa, chuyên chăm vào việc rèn luyện võ nghệ để mọi người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ để có thể chiến thắng được kẻ thù xâm lược. Chăm học "Binh thư yếu lược" cũng là một cách rèn luyện để chiến thắng quân thù. Thật hả hê khi nghĩ đến giây phút chúng ta chiến thắng, chưa đánh giặc nhưng Trần Quốc Tuấn đã ca khúc khải hoàn "chẳng những thân ta kiếp này đắc chí mà đến các người trăm

năm về sau tiếng vẫn lưu truyền Lời tâm sự của Trần Quốc Tuấn với các tướng sĩ thật chân thành khiến các tướng sĩ một lòng khâm phục vị tướng tài vì xã tắc mà dám hi sinh, dám chiến đấu. Những con người ưu tú như Trần Quốc Tuấn quả là bậc danh tướng có một không hai trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Lịch sử đã chứng minh điều mà Trần Quốc Tuấn đã nói. Cùng với sự đồng lòng toàn dân toàn quân, Việt Nam đã giành thắng lợi trước kẻ thù hùng mạnh nhất thời kì đó. Trong đó vai trò lãnh đạo của người lãnh đạo đóng vai trò quyết định, ông được nhân dân Việt Nam tôn thờ gọi là Đức Thánh Trần. Ta bắt gặp lại chí khí, tài năng của ông trong những nhà quân sự tài ba của thế kỉ XX đã làm nên huyền thoại Điện Biên Phủ, làm nên đại thắng Mùa xuân 1975.

Đây là trong thời chiến, ngay cả khi đất nước thái bình ta cũng không thể không cần một vị vua anh minh, hiền tài biết lo cho trăm họ. Và một trong những vị vua tài giỏi, lỗi lạc của đất nước là Lí Công uẩn, ông là người đầu tiên lập nên triều đại nhà Lí ở nước ta. Ông là người thông minh, nhân ái, yêu nước thương dân, có chí lớn và lập được nhiều chiến công. Lí Công uẩn luôn mong muốn đất nước được thịnh trị, nhân dân được ấm no, hạnh phúc. Chính vì thế, ông nhận thấy Hoa Lư không còn phù hợp với hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ. Vì ông muốn đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu nên ông đã ban bố Chiếu dời đô vào năm 1010 để "trên vâng mệnh trời dưới theo ý dân ", tỏ bày ý định rời kinh đô cũ từ Hoa Lư (Ninh Bình) khi ông mới được triều đình tôn lên làm hoàng đế. Nơi đây không phải là Hoa Lư chật hẹp, mà là một nơi địa thế rộng, bằng, đất đai cao thoáng. Một nơi thuận lợi về tất cả mọi mặt thì nhân dân được ấm no, thanh bình, việc dời đô đã hợp với thiên thời địa lợi nhân hòa. Nơi ấy là thành Đại La (tức Hà Nội ngày nay). Sau đó, ông đổi tên kinh đô thành Thăng Long. Dời đô ra Thăng Long là một bước ngoặt rất lớn. Nó đánh dấu sự trưởng thành của dân tộc đại Việt. Cũng là khởi đầu sự nghiệp lẫy lừng của nhà Lí - triều đại có ý nghĩa hết sức quan trọng đưa văn hiến của nước nhà đến đỉnh cao vời vợi. Kinh đô Thăng Long quả là cái nôi để lập nghiệp cho muôn đời là nơi để cho sơn hà xã tắc được bền vững muôn đời. Lịch sử của các nước có nền văn minh lâu đời đều có những cuộc dời đô như thế. Mỗi lần dời là một thử thách của dân tộc. Đó phải là quyết định của những

đầu óc ưu tú nhất thời đại. Nói cách khác, không có ý chí quyết tâm lớn, không có tầm nhìn thấu cả tương lai thì Lí Công uẩn không thể nói đến chuyện dời đô.

Mở đầu bài chiếu, nhà vua giải thích tại sao lại dời đô. Và bằng lập luận ngắn gọn nhưng sắc sảo, cùng với dẫn chứng thiết thực, nhà vua đã khẳng định: việc dời đô không phải là hành động, là ý muốn nhất thời của một người. Nó là biểu hiện cho xu thế tất yếu của lịch sử. Lí Công uẩn tuyệt vời là đã hiểu được khát vọng của nhân dân, khát vọng của lịch sử. Dân tộc Việt không chỉ là nước độc lập. Muốn bảo vệ được điều ấy thì non sông, nhân tâm con người phải thu về một mối. Tất cả thần dân phải có ý chí tự cường để xây dựng nước Đại Việt thành quốc gia thống nhất vững mạnh, ông tâm đắc và rất vui vì tìm một nơi "trung tâm của trời đất", nơi có thể "ròng cuộn hổ ngồi", hào hứng nói tới cái nơi "đúng ngôi nam bắc đông tây" lại "nhìn sông dựa núi". Nơi đây là mảnh đất lí tưởng dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ và ngập lụt, muôn vật rất mực phong phú tốt tươi." Thật cảm động trước tấm lòng của vị vua anh minh, quan tâm tới nhân dân, tìm chốn lập đô cũng vì dân, mong cho dân được hạnh phúc. Dời đô ra Thăng Long là một bước ngoặt rất lớn. Nó đánh dấu sự tất thành của dân tộc Đại Việt. Chúng ta đã đủ lớn mạnh để lập đô ở nơi có thể đưa nước phát triển đi lên, đưa đất nước trở thành quốc gia độc lập sánh vai với phương Bắc.

Có thể nói, với trí tuệ anh minh, với lòng nhân hậu tuyệt vời, nhà vua Lí Công Uẩn đã bày tỏ ý định với các quan trong triều ý định dời đô giàu sức thuyết phục. Những điều vua nói cách đây cả ngàn năm nhưng hôm nay nhìn lại vẫn giữ nguyên tính chân lí của nó. Trải qua bao thăng trầm, con rồng ấy vẫn bay lên bầu trời như thách thức sự vô hạn của thời gian. "Chiếu dời đô" là áng văn xuôi cổ độc đáo, đặc sắc, đúng là khẩu khí của bậc đế vương. Đó là kết tinh về đẹp tâm hồn và trí tuệ Việt Nam. Nó khơi dậy trong lòng nhân dân ta lòng tự hào và ý chí tự cường mạnh mẽ. Triều đại nhà Lí rất vẻ vang với sự khởi thủy là vị vua anh minh Lí Thái Tổ, nước Đại Việt viết tiếp những trang sử vàng chói lọi của mình.

Đọc lại áng văn "Chiếu dời đô" của Lí Công uẩn và bản hùng văn bất hủ muôn đời "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn, chúng ta thấy sáng ngời nhân cách và hành

động vì dân vì nước của họ. Qua đó, chúng ta hiểu rõ vai trò của người lãnh đạo anh minh có ý nghĩa vô cùng to lớn trong trường kì phát triển của dân tộc và thời nào cũng vậy dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam cần làm những nhà lãnh đạo giàu tâm và tài như vậy.



Bài văn mẫu 4

Có thể nói dân tộc Việt Nam đã trải qua hơn 4000 năm dựng nước và giữ nước, đó là một truyền thống rất đáng tự hào. Đất nước sống đời thái bình, no ấm chính là nhờ tài đức của các vị vua, các vị tướng sĩ văn võ song toàn như Lý Công Uẩn (tức vua Lý Thái Tổ), Trần Quốc Tuấn (tức Hưng Đạo Vương). Họ là những người lãnh đạo anh minh suốt đời vì vận mệnh của đất nước. Dựa vào văn bản "Chiếu dời đô" Lý Công Uẩn và văn bản "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn chúng ta sẽ làm sáng tỏ điều đó.

Như chúng ta đã biết, Lý Công Uẩn vốn là người thông minh nhân ái, có chí lớn và lập được nhiều chiến công. Vì thế, khi Lê Ngọa Triều mất, ông được triều thần tôn lên làm vua lấy niên hiệu là Thuận Thiên.

Lý Công Uẩn lên ngôi đã lập tức quyết định dời kinh đô Hoa Lư ra thành Đại La, bởi nhà vua hiểu rõ Đại La chính là vùng đất mà nhân dân sẽ sống no ấm, đất nước

được hưng thịnh đời đời. Lý Công Uẩn quyết định như thế không phải theo ý riêng mình mà chính là lo cho vận nước, hợp với lòng dân.

Người viết "Chiếu dời đô" bày tỏ mục đích dời đô là: "vận mệnh trời", "theo ý dân", "thấy thuận thiên thì thay đổi", dời đến nơi "trung tâm trời đất", tiện hướng "nhìn sông dựa núi",... "nơi đây là thánh địa". Đọc văn bản "chiếu dời đô" ta cảm nhận Lý Công Uẩn không chỉ là 1 vị vua có tài mà còn có đức, ông xứng đáng là vị vua anh minh bậc tiên đế muôn đời. Quyết định dời đô của ông là rất sáng suốt bởi vì kinh đô Đại La đã vững mạnh suốt 200 năm, có nghĩa là nhân dân thái bình, no ấm trong suốt thời gian đó (kinh đô Đại La - Thăng Long - chính là thủ đô Hà Nội ngày nay, linh hồn của Việt Nam)

Thời kì nhân dân Đại Việt phải đương đầu với quân Nguyên - Mông hung hãn, vị nguyên soái Trần Quốc Tuấn tức Hưng Đạo Vương đã ba lần cầm quân đánh bại quân xâm lược. Ông xứng đáng là một vị anh hùng của dân tộc.

Trước năm 1285, Trần Quốc Tuấn đã viết bài "Hịch tướng sĩ" với mục đích kêu gọi tướng sĩ học tập binh thư, rèn luyện võ nghệ để chuẩn bị đánh quân xâm lược. Bài Hịch có sức thuyết phục rất cao bởi lập luận sắc bén, có tình có lý.

Trong bài Hịch Trần Quốc Tuấn sáng suốt nêu gương các trung thần nghĩa sĩ của Trung Quốc để đánh vào lòng tự tôn của các tướng sĩ dưới quyền. Ông nhắc lại cách đối xử thân tình của mình đến với họ, chỉ cho họ thấy tội ác của giặc, bày tỏ tấm lòng của mình trước vận mệnh của đất nước.

Trần Quốc Tuấn đã phản ánh phê phán sự bàng quan vô trách nhiệm của các tướng sĩ. Vạch ra nguy cơ nước mất nhà tan, rồi lật ngược vấn đề: Nếu tướng sĩ lo học tập binh thư, rèn luyện võ nghệ thì mọi người được sử sách lưu danh.

Với cách lập luận như thế, Trần Quốc Tuấn đã khơi dậy, khích lệ lòng yêu nước, căm thù giặc của tất cả mọi người.

Trần Quốc Tuấn vốn là con nhà võ nhưng thấu đáo sự học làm người, nắm rõ "tam cương, ngũ thường". Ông xứng đáng là 1 tấm gương để chiến sĩ noi theo. Trong

kho tàng văn học nước nhà "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn xứng đáng là một "An thiên cổ hùng văn", "tiếng kèn xung trận hào hùng", mãi mãi nhân dân thời Trần (thế kỉ 13) và mọi đời sau sẽ không bao giờ quên công đức của ông.

Nói tóm lại, lịch sử đất nước Việt Nam có những trang vàng chói lọi là nhờ vào những vị vua, vị tướng anh minh như Lý Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi,... Họ là tấm gương sáng ngời để đời sau soi vào đó mà học tập. Chúng ta tưởng nhớ đến Bác Hồ đã lãnh đạo toàn dân giành độc lập ngày hôm nay. Chúng ta chắc chắn Bác đã noi gương những người đi trước. Sống xứng đáng với sự hi sinh của họ. Bác đã từng nói: "Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước". Và người cũng đã ân cần dạy tuổi trẻ "có tài mà không có đức thì là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó".

Bài văn mẫu 5

Trong công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, có biết bao nhiêu trang sử hào hùng, oanh liệt ghi lại những bước tiến, những cuộc khởi nghĩa lớn làm xoay chuyển vận mệnh của quốc gia, dân tộc. Những xoay chuyển, thay đổi ấy đều được thực hiện bằng những con người sáng suốt, anh minh. Những con người ấy có phải chẳng là những vị tướng giỏi, vua tài như Trần Quốc Tuấn, Lí Công Uẩn,... Tại sao tôi lại đề cập đến hai vị anh hùng dân tộc này? Vì qua hai áng văn chính luận "Chiếu dời đô", "Hịch tướng sĩ" đã làm rõ vai trò anh minh và tầm quan trọng của các vị ấy trong những lần thay đổi của đất nước.

Khi được tiếp xúc với hai bài viết giàu ý nghĩa của họ, ta hiểu thêm sự anh minh của các đấng minh quân đời nhà Trần, Lí. Thoạt tiên khi đến với vấn đề trên ta cần hiểu rõ thế nào là người lãnh đạo anh minh? Người này chắc hẳn phải là người sáng suốt có tầm nhìn xa trông rộng, có công đức lớn lao đối với đất nước, dân tộc. Không chỉ vậy họ còn đóng góp công sức không hề nhỏ trong việc đem lại tự do, hạnh phúc, cuộc sống ấm no, yên bình cho nhân dân. Nếu đã là những người như vậy thì việc họ để lại tiếng tăm bất hủ cho đời sau hay để lại những bài học vô giá cho hậu thế sau này trong sự nghiệp lớn của dân tộc liệu có còn là điều đáng ngạc nhiên hay không?

Nhưng để làm được những công lao to lớn như vậy không phải là chuyện mà ai cũng có thể thực hiện vậy thì động lực nào mang lại cho họ ý nghĩ phải thực hiện những việc làm đó? Đó không phải là thứ gì khác mà là lòng yêu nước nồng nàn. Ta nhận ra điểm giống nhau thứ yếu của các bậc minh quân là tấm lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm trước vận mệnh sống còn của non sông. Ở Lí Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn, ta nhận ra những điểm trên đây qua những ý tứ, nội dung cúng như từ ngữ, câu từ mà hai vị đã dùng trong áng văn của họ. "Chiếu dời đô" của vua Lí Công Uẩn, ông đã thể hiện tình yêu của mình ở cách nhìn nhận vị trí kinh đô của đất nước. Sự anh minh của Lí Công Uẩn cũng được thể hiện ở đây, ông nhận thấy kinh đô không còn phù hợp với tình thế đất nước lúc bấy giờ nên đã quyết định tìm đến một kinh đô mới phù hợp hơn mang lại cuộc sống tốt hơn cho nhân dân. Tất cả những nhìn nhận trên của ông đều xuất phát từ lòng yêu nước, lo lắng cho cuộc sống của nhân dân và vận mệnh đất nước. Đối với "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn ta dễ dàng nhận thấy hơn tình yêu nước của vị tướng được thể hiện qua những biểu hiện của chính Trần Quốc Tuấn khi đất nước lâm vào cảnh bị đô hộ: "Tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa" những từ ngữ trên cho thấy sự đau xót, thương tiếc cho sự mất mát của quốc gia. Nhưng tình yêu của ông không chỉ dừng lại ở đây lòng yêu đất nước của ông đã biến thành sự căm ghét, căm phẫn, sôi sục ý chí quyết tâm đánh thắng kẻ thù xâm lược: "chỉ căm tức chưa xả thịt lột da nuốt gan uống máu quân thù". Nhưng ông không phải là một người dân thường, ông là một vị tướng và ông có trách nhiệm giúp đất nước thoát khỏi cảnh đau thương. Ông đã viết bài hịch nhằm mục đích khích lệ ý thức trách nhiệm cũng như kêu gọi tình yêu quê hương đất nước trong các tướng sĩ của mình. Đó là cách ông thể hiện tình yêu quê hương, đất nước.

Như ta đã thấy những việc họ đã làm đã mang lại cho đất nước những lợi ích không chỉ là tạm thời mà có ảnh hưởng to lớn đến tương lai của chúng ta. Vì vậy vai trò của những người anh minh sáng suốt như họ là vô cùng quan trọng, cần thiết trong lịch sử dân tộc ta. Như Lí Công Uẩn vị vua đầu tiên của triều đình nhà Lí là người tiêu biểu trong lịch sử dân tộc ta, sự anh minh của ông thể hiện rất rõ trong việc dời kinh đô nước ta từ Hoa Lư về thành Đại La. Như đã nói vào thời Lí nước ta trở

thành một nước độc lập có chủ quyền, phát triển lớn mạnh về mọi mặt, nên việc tiếp tục để kinh đô ở Hoa Lư là điều vô lí. Hoa Lư là một vùng rừng núi có địa thế hiểm trở chỉ phù hợp với tình hình đất nước chưa phồn thịnh và lớn mạnh. Nếu phát triển đất nước thì sẽ gặp nhiều khó khăn về nhiều mặt như: giao thông, kinh tế, thương mại, ngoại giao, ...Đối lập với Hoa Lư thành Đại La lại là nơi "Ở vào trung tâm trời đất, được cái thế rồng cuộn hổ ngồi, đúng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi, đất đai rộng mà bằng cao mà thoáng..." Hơn thế nữa "dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ, ngập lụt, muôn vật cũng hết mực phong phú tốt tươi". Chỉ mới nói đến thôi ta đã cảm nhận được cái ưu thế chỉ có một trên khắp đất nước của thành Đại La, nhà vua hướng tầm nhìn về nơi đây có thể nói là sự sáng suốt, anh minh đi thâu suốt lịch sử. Nhưng cũng thật khó khăn cho nhà vua khi việc chuyển dời kinh đô là chuyện trọng đại ảnh hưởng rất lớn đến đất nước sau này, ấy vậy mà bậc minh quân đã không ngần ngại với quyết định của mình và quyết định của ấy của ông đã điểm một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc. Quả nhiên sau khi kinh đô được chuyển dời thì nước ta từ bấy đến nay đất nước đã phát triển đi lên. Và vai trò của vua Lí Công Uẩn được tôn vinh nhiều hơn trong năm vừa qua khi nhân dân cả nước đã long trọng kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội đánh dấu thời kì đã qua cũng như hứa hẹn một tương lai phồn thịnh hơn đang tới.

Với những ý nghĩa và vai trò của "Chiếu dời đô" thế hệ đi sau chúng ta thật tự hào về một ông vua sáng suốt, anh minh mang lại cho chúng ta sự tự hào về, cuộc sống ấm no hạnh phúc hôm nay. Nhưng sự anh minh của một vị vua cũng không đủ đem lại độc lập tự do dân tộc mà phải nhờ đến những vị tướng tài như Trần Quốc Tuấn – Hưng Đạo vương đời nhà Trần, cùng với sự anh minh, sáng suốt của ông đã lãnh đạo nhân dân ba lần đánh tan quân Mông - Nguyên, làm xoay chuyển vận mệnh của cả một dân tộc. Trần Quốc Tuấn không chỉ anh minh trong đường lối đánh giặc mà ông còn là người mưu lược tài cao. Ông đã bày mưu kế đưa hai vị vua từ Thăng Long về Hoa Lư để bảo toàn lực lượng, vừa tranh sức mạnh mẽ của quân thù. Khi giặc sang ông tỏ thái độ rất căm tức: "Ngó thấy sứ giặc đi nghênh ngang ngoài đường, uốn lười cú điều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phu", ông dùng những từ ngữ, câu văn lên án gay gắt thái độ của giặc cũng như thể hiện

nổi cảm giận của lòng ông. Ông lấy việc phải dùng nhạc thái thường để hầu giấc là điều vô cùng nhục nhã của bậc quân thần. Ông chỉ ra những điều làm cho lòng người sôi sục, tâm can nhục nhã khi không làm gì trước tình cảnh đất nước bị dày xéo, chà đạp. Đây chính là sự sáng suốt anh minh của vị tướng tài: ông đã thức tỉnh tướng sĩ đang ngủ say trong cuộc vui trước mắt (chơi gà, đánh bạc, vợ con, lo làm giàu, vườn ruộng, uống rượu, mê hát), lo toan chuyện nước nhà. Ông thấy được việc trên dưới đồng lòng cùng đồng tâm chống giặc sẽ tạo nên một sức mạnh to lớn, cho dù binh to búa lớn cũng không phá vỡ được tinh thần yêu nước sôi, lòng căm thù sâu sắc. Chỉ với cái nhìn đúng đắn ấy của ông mà nước Việt ta bao lần thắng giặc với thế lớn, binh nhiều. Lúc bấy giờ ông trở thành người có vai trò quan trọng hơn cả với đất nước, là người có trách nhiệm tập hợp lòng dân, nghĩa sĩ. Và để làm được điều ấy ông đã viết bài "Hịch tướng sĩ" mở đầu cho công cuộc xây dựng tinh thần cho tướng sĩ. Bài hịch đã trở thành áng văn bất hủ, là đỉnh cao của chủ nghĩa yêu nước có ý nghĩa to lớn trong việc đoàn kết tôn thất, làm cho ý chí chống giặc của nhân dân, tướng sĩ lên đến đỉnh điểm. Cũng như vạch ra con đường đi đúng đắn cho đất nước theo đường lối sáng suốt của Trần Quốc Tuấn.

Qua những gì mà hai bậc hiền tài, anh minh của dân tộc đã làm cho đất nước thể hiện rõ ràng tầm quan trọng của họ trong những thời mấu chốt của đất nước. Ảnh hưởng to lớn của những vị ấy không chỉ trong lúc bấy giờ mà còn ảnh hưởng đến đời sau - chúng ta. Nếu không có những người lãnh đạo anh minh như thế thì liệu đất nước ta có còn tồn tại, nhân dân có được độc lập, tự do, hạnh phúc như hôm nay?

Với riêng bản thân tôi cũng như nhiều người khác, lòng biết ơn đến những nhân vật anh minh như họ và tự hào bởi họ là những gì mà thế hệ sau như chúng ta luôn mong muốn được đền đáp ơn này. Những ngày kỉ niệm, những di tích lịch sử ghi lại dấu ấn của họ được chúng ta gìn giữ là điều thể hiện rõ nhất trong sự tôn kính, lòng biết ơn đối với những người lãnh đạo anh minh như Lí Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn.

Kết quả của sự lãnh đạo anh minh của các vị tướng tài, vua giỏi Trần Quốc Tuấn và Lí Công Uẩn là cuộc sống tốt đẹp của nhân dân ta từ thời ấy đến bây giờ. Một lần nữa xin khẳng định lại tầm quan trọng của những vị ấy là vô cùng to lớn đối với giang sơn, đất nước ta. Những vị ấy đã cố gắng gìn giữ và gây dựng đất nước thì con cháu ta phải cùng nhau dựng nước vững mạnh hơn.

Bài văn mẫu 6

Từ xa xưa, con người đã luôn luôn sống trong môi trường tập thể, khi mà một cá nhân bắt buộc phải nương tựa vào những cá nhân khác để tồn tại và chiến đấu chống các thế lực thù địch. Cũng từ khi biết sống quần tụ thành số đông, con người bắt đầu đề cao vai trò của người lãnh đạo. Trong các sử thi, các truyền thuyết cổ xưa, những nhân vật chính được mô tả đều là thủ lĩnh các bộ tộc, bộ lạc, những người dẫn đường đưa đồng bào đến cuộc sống thịnh vượng, ấm no.

Xã hội loài người càng phát triển, tầm quan trọng của “người dẫn đường” càng được coi trọng, Lịch sử Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật đó. Quả thực, quá khứ của dân tộc để lại cho chúng ta lòng ngưỡng mộ về rất nhiều những nhà lãnh đạo tài ba, có thể kể đến như Lý Thái Tổ, Lý Công Uẩn, như Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Tài năng lãnh đạo của họ có thể được nhìn nhận từ nhiều góc độ, thậm chí từ các tác phẩm thơ văn của họ, như “Chiếu dời đô” như “Hịch tướng sĩ”. Tác phẩm ra đời đã lâu, tác giả cũng là người cõi khác, nhưng câu chữ của người xưa vẫn gợi cho ta nhiều suy ngẫm về đôi mắt, tấm lòng, trách nhiệm của người đứng đầu đối với vận mệnh của đất nước, đối với cuộc sống của dân tộc.

Đối với một đất nước, kinh đô là trung tâm quốc gia, vì vậy chuyện dời đô không bao giờ là chuyện nhỏ, hướng hồ là trong thời kỳ “trùng nước” của một triều đại. Nhưng Lý Công Uẩn chỉ ít lâu sau khi khai sinh nhà Lý, đã đưa ra một quyết định táo bạo: bản “Chiếu dời đô”, dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về thành Đại La, sau đổi tên là Thăng Long. “Chiếu dời đô” có một ý nghĩa đặc biệt, không chỉ bởi “nghĩa sâu, ý xa, lý rành, khí mạnh, lời giàu, văn hay” mà còn vì bản chiếu thư này đã tạo được một bước ngoặt không nhỏ đối với vận mệnh đất nước lúc bấy giờ, đồng thời còn thể hiện tầm nhìn sâu rộng, ý chí giữ vững nền độc lập cùng tấm lòng với nước non

của vị vua mới. Trong mấy mươi năm, kinh đô Hoa Lư với địa thế núi non hiểm trở, đã hoàn thành sứ mệnh giúp hai nhà Đinh, Tiền Lê củng cố chính quyền, chống Tống xâm lược. Khi Lý Công Uẩn lên ngôi, vận hội đất nước thay đổi, điều cần thiết lúc này là đẩy mạnh kinh tế phát triển, xây dựng đời sống thịnh vượng no ấm cho nhân dân, cũng là tạo nền tảng vững chắc để giữ vững nền độc lập. Trước yêu cầu của thời kỳ mới, một nhà lãnh đạo tài ba cần có những quyết sách lớn để dọn đường cho những kế hoạch nhỏ, và chuyện dời đô của Lý Công Uẩn chính là một quyết sách như vậy.

Với “Chiếu dời đô”, Lý Công Uẩn đã hoàn tất trọn vẹn công việc của một “tổng công trình sư”, trí tuệ của ông hiểu được tầm quan trọng của một kinh đô, tầm nhìn của ông đủ sâu rộng để nhìn thấy được ưu thế đặc biệt của thành Đại La, đó là vị trí “ở vào nơi trung tâm trời đất, được cái thế rồng cuộn hổ ngồi”, là phương hướng “đúng ngôi Nam Bắc Đông Tây”, là địa thế “rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng”, là điều kiện phát triển kinh tế “dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt, muôn vật cũng được phong phú tốt tươi”. Một vị vua có thể nhận ra chừng ấy thuận lợi của một vùng đất, hẳn là một người thông hiểu phong thủy, Lịch sử, địa lý, và còn có những suy tính lâu dài về chính trị. Hơn nữa, trong một chiếu thư trên dưới 200 chữ, nhà lãnh đạo này đã ba lần nhắc đến “dân” và “bách tính”, cho thấy quyết định dời đô của ông xuất phát từ quan điểm “lấy dân làm gốc”, lấy lợi ích của trăm họ làm nền tảng quốc gia.

Một nhà lãnh đạo giữ vận mệnh đất nước trong tay, điều cần nhất chẳng lẽ không phải là tấm lòng ấy, tầm nhìn ấy? Vai trò và công lao của Lý Công Uẩn đã được thực tế Lịch sử chứng minh: cùng với kinh đô Thăng Long, quốc gia Đại Việt bước vào một giai đoạn phát triển mới, vững vàng về kinh tế, ổn định về chính trị, đặc sắc về văn hóa, mở ra thời kỳ hưng vượng nhất của Lịch sử phong kiến Việt Nam. Nếu Lý Công Uẩn vẫn theo lệ nhà Đinh – Lê, giữ nguyên kinh kỳ ở đất Hoa Lư hiểm trở, chắc hẳn nhà nước Đại Việt đã không có những bước tiến to lớn ấy. Công lao của Lý Công Uẩn đã khẳng định với ta rằng: tài năng và tấm lòng của nhà lãnh đạo góp phần quyết định không nhỏ tới sự hưng thịnh hoặc suy tàn của một triều đại, một

quốc gia, một nhà lãnh đạo cừ khôi chính là một ngọn đuốc sáng soi đường cho quảng đại quần chúng.

Với “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, vai trò to lớn của một nhà lãnh đạo càng được khẳng định, nhưng là trong một hoàn cảnh khác, khi đất nước đang phải đối mặt với hiểm họa chiến tranh, vận mệnh dân tộc nguy vong là điều không tránh khỏi. Hoàn cảnh này đòi hỏi vị chủ tướng Trần Quốc Tuấn không chỉ mắt nhìn rõ “thế trận”, một tấm lòng âu lo vận nước, mà còn cả một bản lĩnh tập hợp lực lượng, động viên binh sĩ, thu trăm quân về một mối, đánh thức những người lính Đại Việt lúc này đang lơ là mê muội “nghe nhạc Thái Thường để đãi yến nguy sứ mà không biết cảm”. Lo lắng trước hiểm họa đang tới gần và đau lòng vì sự thờ ơ của tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn đã viết “Hịch tướng sĩ”. Hịch tướng sĩ vừa như một lời “tổng động viên”, vừa như một sự tỏ lòng: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối... ta cũng vui lòng”.

Trong mọi cuộc chiến tranh, yếu tố “nhân tâm” là điều quan trọng, lòng người đôi khi quyết định tất cả. Hiểu được điều đó, vị chủ tướng đã vạch ra trước mặt binh sĩ của mình hai con đường, hoặc là nhà tan cửa nát khi vận nước suy vong, hoặc vinh hiển đời đời cùng chiến thắng của dân tộc. Điều đặc biệt trong bài hịch là Trần Quốc Tuấn không hề tỏ ý ép buộc, ông vạch rõ hai con đường, còn sự lựa chọn thuộc về các binh sĩ. Như thế, tài văn của vua Hưng Đạo Vương đã giúp ông thu phục lòng người, cảm hóa lòng quân, để làm được điều “tướng sĩ một lòng phụ tử hòa nước sông chén rượu ngọt ngào” (Bình Ngô Đại Cáo – Nguyễn Trãi). Trong thời chiến, một dân tộc không chỉ phải đối mặt với gươm đao súng đạn, mà còn ở tầm ngắm của những thứ vũ khí ẩn nấp sau nhung lụa, phải đối mặt với hàm chông của quân thù được phủ lên bằng lớp cỏ non êm ái. Người lãnh đạo nắm được binh lực trong tay, nếu không có ý chí thép, tâm lòng son, sẽ là người đầu tiên rơi xuống hố sâu mà kẻ thù đào sẵn. Cũng như vậy, quãng thời gian bình yên lâu dài giữa hai cuộc kháng chiến chống Nguyên- Mông như một thứ thuốc độc làm hao mòn khí thế đấu tranh, một cái bẫy vô hình lấy đi nhuệ khí của các binh sĩ, một màn sương phủ mờ quyết tâm chống giặc. Là một người cầm quân, Trần Quốc Tuấn đã dùng cả tấm lòng của

mình đánh tan màn sương tai họa đầy, góp phần không nhỏ làm nên tinh thần “Sát Thát” vang danh sử sách.

Chiến thắng cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Nguyên – Mông có công lao không nhỏ của Hưng Đạo Vương công lao được làm nên cả từ tài năng văn chương và tài năng quân sự. Vị chủ tướng Trần Quốc Tuấn chính là một hình ảnh tiêu biểu cụ thể cho những phẩm chất mà một nhà lãnh đạo cần có trong thời chiến, cũng là một minh chứng cho vai trò của người ngời ngời cao đối với toàn quân trước hiểm họa của dân tộc. Như vậy, qua “Chiếu dời đô” và “Hịch tướng sĩ” có thể khẳng định rằng trong bất kể giai đoạn nào của đất nước, chiến tranh hay hòa bình, người lãnh đạo luôn có một tầm quan trọng đặc biệt, có thể tạo nên ảnh hưởng trực tiếp đến sự suy vong, hưng thịnh của một quốc gia. Một tướng kém cỏi không thể tạo nên một đoàn quân tinh nhuệ, cũng như một đất nước chỉ có thể trở nên hùng mạnh dưới sự dẫn dắt của một nhà lãnh đạo tài ba.

“Chiếu dời đô” hay “Hịch tướng sĩ” đều đã là chuyện của quá khứ, nhưng quá khứ ấy đã để lại cho hiện tại nhiều suy ngẫm. Cộng đồng nào mà không cần một thủ lĩnh tài ba, quốc gia nào mà không cần một người đứng đầu biết nhìn xa trông rộng, có thực tài, có tấm lòng có thể cảm hóa những tấm lòng khác. Lịch sử Việt Nam tự hào vì những nhà lãnh đạo cừ khôi như Lý Công Uẩn, như Trần Quốc Tuấn, nhưng cũng mấy phen tủi buồn vì không ít những bạo chúa hôn quân. Chỉ mong sao bước đường tiếp theo của dân tộc có thể chứng kiến tài năng xuất chúng của những người nắm vận mệnh đất nước trong tay để mơ ước của Lý Thái Tổ có thể thành sự thật, nhìn thấy đất nước hóa rồng bay lên trong thế kỷ này.

Bài văn mẫu 7

Cách đây đúng một ngàn năm trước, năm 1009, vua Lý Công Uẩn lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Lý Thái Tổ. Mùa xuân sau đó là năm 1010, vua Lý Thái Tổ đã dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Từ đó về sau, triều Lý truyền ngôi được hơn 200 năm, trong hoàn cảnh đất nước thái bình thịnh trị. Đến khoảng năm 1231, một người con trai chào đời tại Kiếp Bạc, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, đã có một thầy tướng bảo rằng: “Người này ngày sau có thể cứu nước giúp đời” (Theo Đại Việt sử ký toàn

thư ghi chép). Đó chính là Trần Hưng Đạo, người anh hùng, đức Thánh Trần, người đã để lại bài Hịch tướng sĩ và Binh thư yếu lược. Vậy chúng ta hãy dựa vào Chiếu dời đô của Lý Thái Tổ và Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo để tìm hiểu về vai trò của những người lãnh đạo anh minh!

Phần mở đầu bài chiếu, tuy là một bậc đế vương, là "thiên tử" nghĩa là có quyền thay trời quyết định mọi chuyện nhân gian, vậy mà vua Lý Thái Tổ vẫn viết những câu văn đặc biệt nhấn mạnh đến "ý dân": "trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận tiện thì thay đổi".

Đại Việt sử ký toàn thư ghi lại rằng khi vua Đinh Tiên Hoàng chọn đất làm đế đô, nhà vua đã chọn Hoa Lư vì: "Chọn được đất hẹp ở Đàm Thôn, vua muốn dựng đô ở đó, nhưng thế đất hẹp mà thiếu hiểm trở, nên vẫn đóng đô ở Hoa Lư". Hoa Lư là vùng đất bằng phẳng nhưng chật hẹp và bị bao vây bởi những dãy núi đá vôi dựng đứng, ra vào chỉ có một con đường độc đạo. Hiểm trở thì hiểm trở thật, song không có lợi cho việc xây dựng triều đại và phát triển đất nước, ở Hoa Lư, nhà Đinh và nhà Tiền Lê không bị giặc ngoại xâm, mà lại liên tiếp những nội loạn: vua tôi, cha con, anh em tranh giành nhau ngai vàng: Đinh Liễn giết em là Hạng Lang khi vua cha Đinh Tiên Hoàng còn tại thế, Đỗ Thích là bề tôi lại giết Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành vừa mất thì ba con đánh nhau... Đó là những Lý do mà Lý Thái Tổ đã thể hiện qua câu: "Hai triều Đinh Lê vẫn theo ý riêng mình... cứ đóng yên thành ở đây, khiến cho triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi, trăm họ phải hao tổn, muôn vật không được thích nghi. Trẫm rất đau xót về việc đó, không thể không dời đổi".

Sau khi phân tích những Lý do khiến vua nhà Lý muốn dời đô, nhà vua đã phân tích những ưu điểm của vùng đất mới: "Huống gì thành Đại La, ở vào nơi trung tâm của trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi Nam Bắc Đông Tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà phẳng; dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt, muôn vật cũng rất phong phú tốt tươi...."

Qua phần phân tích những ưu điểm của thành Đại La, chúng ta thấy vua nhà Lý đã không xuất phát từ mục đích phòng ngự, mà xuất phát từ ý muốn cho "dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt" đời sống của vua quan và toàn dân cũng khởi sắc vì

"muôn vật cũng phong phú tốt tươi". Sử gia Ngô sĩ Liên khen rằng: "Núi là vạt áo che, sông là dải đai thắt, sau lưng là sông nước, trước mặt là biển, địa thế hùng mạnh mà hiểm, rộng mà dài, có thể là nơi vua ở hùng tráng, ngôi báu vững bền, hình thế Việt Nam, không nơi nào hơn được nơi này!"

Không những vua Lý Thái Tổ vừa tỏ lòng chăm lo, cải thiện đời sống muôn dân trong câu trên, mà nhà vua còn thể hiện bản lĩnh và ước vọng chính đáng của một nhà lãnh đạo anh minh trong việc ca ngợi những người lãnh đạo biết lo toan nghiệp cả dài lâu:" Phải đâu các vua thời Tam Đại theo ý riêng mình mà tự tiện chuyển dời? Chỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu..."

Thực vậy, dời đô ra Thăng Long, lợi ích về giao thương kinh tế đã rõ, còn về quân sự, tuy không có núi non hiểm trở như Hoa Lư, nhưng vẫn rất thuận tiện về việc giữ nước, giữ thành. Nếu kẻ xâm lược phương Bắc tấn công bằng đường sông, thì mỗi con sông là một phòng tuyến, nếu xâm lược bằng đường bộ, cũng phải băng qua nhiều cầu, nhiều sông, dân chúng hai bên bờ sông là lực lượng chiến sĩ can cường sẵn sàng bảo vệ quê hương!

Thế rồi, "trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân", lần đầu tiên nhà Lý đã giữ vững chính quyền suốt hơn hai trăm năm, còn bảo toàn và mở rộng lãnh thổ của mình. Xây dựng Văn Miếu năm 1070 và Quốc Tử Giám năm 1070 đánh dấu sự phát triển của văn hóa và giáo dục, các khoa thi tuyển chọn hiền tài đã được mở ra bắt đầu từ năm 1075. Thể chế chính trị cũng được phân cấp quản lý rõ ràng, dựa vào luật pháp nhiều hơn là sự chuyên quyền độc đoán của một cá nhân. Công lao dời đô và xây dựng đất nước của Lý Thái Tổ thực sự lớn lao, lưu danh muôn thuở với non sông nước Việt!

Năm 1283, vua Nguyên sai Toa Đô mang quân đánh Chiêm Thành, nhưng chưa được. Năm 1284, Nguyên Thái Tổ bên Tàu muốn tiến đánh Đại Việt, phong cho hoàng tử Thoát Hoan làm Trấn Nam Vương.

Tháng 12 năm 1284, tướng nhà Nguyên là hoàng tử Thoát Hoan đem theo 16 tướng hùng mạnh cùng các quân sĩ giỏi chia làm 3 ngả tiến đánh Chi Lăng, Trần Hưng Đạo thất thế tại sông Đuống đưa quân chạy về Vạn Kiếp. Vua Trần Nhân Tông thấy thế giặc mạnh, phải bỏ kinh thành Đại La mà chạy, rồi cho mời Hưng Đạo Vương về Hải Dương mà phán rằng: "Thế giặc to như vậy, mà chống với chúng thì dân chúng bị tàn sát, nhà cửa bị phá hại, hay là trăm sẽ chịu hàng để cứu muôn dân?"

Trần Hưng Đạo tâu rằng:

"Bệ hạ nói câu ấy là lời nhân đức, nhưng tôn miếu xã tắc thì sao? Nếu bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu thần trước đã, rồi sau hãy hàng!"

Từ câu thề mang đầu ra giữ ngai vàng và xã tắc, Hịch tướng sĩ ra đời cùng với Binh thư yếu lược, trong lúc ấy, Thoát Hoan cùng các binh tướng đang đóng đô tại kinh đô nước Việt. Đau nỗi đau của dân tộc, nhục nỗi nhục của hoàng gia và võ tướng, Trần Quốc Tuấn đã cầm bút viết Hịch tướng sĩ, không phải là giọng văn của kẻ sĩ chốn học đường, mà là tiếng kêu gào, tiếng trống kèn của một đại tướng thúc giục mọi quân sĩ xông pha giết giặc!

Tấm lòng đau đớn của Trần Quốc Tuấn chẳng phải nỗi buồn thương của một văn nhân khi nước mất nhà tan, mà là nỗi căm hận sục sôi kìm nén trong tiếng rít giữa kẻ rằng, truyền đến ngàn vạn binh tướng bằng giọng văn hào hùng khí khái: "Ta cùng các người sinh ra phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan, ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, mang thân dê chó mà bắt nạt tể phụ. ..thật khác nào ném thịt nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau!...nay các người ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn, làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc thái thường để đãi yến ngụy sứ mà không biết căm".

Ngày dựng kinh đô, Lý Thái Tổ ca ngợi Đại La thành, ao ước non sông vĩnh cửu, thì nay Trần Quốc Tuấn không hổ danh tôn tử anh hùng, đêm không ngủ, ngày không ăn, nuôi chí khôi phục cơ đồ đã mất: "Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa...Chỉ căm tức rằng chưa xẻ thịt lột da, nuốt

gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, cũng nguyện xin làm" bằng cách phân tích những thú vui chơi sa đọa của các tướng sĩ:

"Hoặc lấy việc chơi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển, hoặc vui thú vườn ruộng, hoặc quyến luyến vợ con, hoặc lo làm giàu mà quên việc nước, hoặc ham săn bắn mà quên việc binh, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát..."

Mặc dù là đại tướng quân, Trần Hưng Đạo đã đưa ra lời thuyết phục hết sức cảm động, vô cùng thống thiết bằng nghệ thuật sử dụng những hình ảnh đối lập thật chua chát:

"Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không đâm thủng áo giáp của giặc; mèo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh; dẫu rằng mộng lắm vườn nhiều, tấm thân quý nghìn vàng khôn chuộc, vả lại vợ bừa con riu, việc quân cơ trăm sự ích chi!"

Để thức tỉnh ba quân tướng sĩ, Trần Hưng Đạo không hề dùng kỷ luật hay pháp luật mà những lời kêu gọi chân thành của vị tướng tài ba này xuất phát từ dòng máu yêu quê hương, căm thù giặc xâm lược: "tiền của tuy nhiều, không mua được đầu giặc, chó săn tuy khỏe, không đuổi được quân thù; chén rượu ngon không làm giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ, ta cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào!"

Ở đoạn hịch này, ta thấy hình ảnh dữ dội được đưa lên đầu đoạn là "đầu giặc"! Thực sự đối với một võ tướng, đầu giặc là tất cả sự nghiệp của người ấy! Huống chi là đối với Trần Hưng Đạo, ông đã lấy đầu mình ra thay cho sự hy sinh của Trần Nhân Tông.

Cuối bài hịch, sau khi vẽ ra cái tiền đồ tối tăm của các tướng sĩ bê tha sau khi thua trận, mất nước, tác giả đã khuyên nhủ hết lời các tướng sĩ hãy tìm ra con đường chân chính mà tiến bước: học tập binh thư yếu lược để cứu nước. Câu trả lời cho Trần Hưng Đạo là những chiến thắng chống quân Nguyên vang dội đến ngày nay.

Hơn một ngàn năm qua, Lịch sử nước Việt đã trải qua bao sóng gió thăng trầm, những công lao của Lý Thái Tổ và Trần Hưng Đạo mãi mãi là những vết son không phai trong văn học và lịch sử Việt Nam! Chiếu dời đô của Lý Thái Tổ là một tài liệu lịch sử đáng tự hào và ghi ơn; Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo vừa có giá trị văn học, lịch sử, lại vừa là một tấm gương rạng ngời thiên thu về tình yêu nước của anh hùng dân tộc Việt Nam xưa.